

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2020/DS-PT**

Ngày: 11-8-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- *Các thẩm phán:*

Ông Hồ Văn Phụng

Bà Trương Tố Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tân T- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Mộng H, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 1 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ: số 2 ấp 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng – Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Thạch H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn H: Luật sư Trần Lệ Q – Văn phòng Luật sư Thanh Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim U: Ông Thạch H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng – Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2020. (có mặt)

- *Người kháng cáo: Bị đơn ông Thạch H và bà Nguyễn Thị Kim U.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2019 của bà Lâm Thị Mộng H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Kim Điền P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2016, bà Lâm Thị Mộng H có cho vợ chồng ông Thạch H, bà Nguyễn Thị Kim U vay số tiền 23.000.000 đồng, không tính lãi, mục đích tiêu dùng trong gia đình, khi nào cần sẽ lấy lại, do chỗ quen biết thân tình nên không làm biên nhận. Nay khi bà H cần tiền đòi lại thì vợ chồng bị đơn ông H, bà U chỉ hứa chứ không trả nợ, bà H có gọi điện cho ông H để đòi lại số nợ trên, tại cuộc nói chuyện qua điện thoại bà H có ghi âm lại giọng nói của ông H, ông H có thừa nhận số tiền đã mượn. Ngoài ra, bà H có ghi âm giọng nói của bà U vợ ông H, tại cuộc hội thoại trong đoạn ghi âm bà U đồng ý hứa trả tiền cho bà H.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà U trả cho bà H số tiền còn nợ 23.000.000 đồng và không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Thạch H trình bày: Ông không thống nhất toàn bộ nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, vợ chồng ông không có nợ tiền của bà H như bà H trình bày, ông thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do bà H cung cấp là giọng nói của ông, nhưng không biết bà H ghi âm khi nào, đây chỉ là cuộc trao đổi nói chơi giữa ông và bà H, nhưng trước năm 2016 ông có vay của bà H nhiều lần, lần 10 triệu đồng, lần 7 triệu đồng và lần 8 triệu đồng, số tiền khoảng 25.000.000 đồng hoặc 26.000.000 đồng đã trả cho bà H xong, việc trả tiền không làm giấy tờ và không người chứng kiến.

Hiện ông không có nợ của bà H 23.000.000 đồng nên ông không đồng ý trả. Nếu bà H chứng minh có chữ ký và giấy nhận nợ của ông thì ông đồng ý trả.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim U trình bày: Bà không thống nhất toàn bộ nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng bà không có nợ tiền của bà H như bà H trình bày. Bà đồng ý giọng nói trong đoạn ghi âm mà phía nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa là giọng nói của bà, bà không biết bị bà H ghi âm lúc nào, bà H có đến nhà để yêu cầu bà trả nợ thay cho chồng bà nhưng bà không đồng ý.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 95; Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng H về việc đòi bị đơn ông Thạch H và bà Nguyễn Thị Kim U trả tiền vay.

Buộc bị đơn ông Thạch H, bà Nguyễn Thị Kim U liên đới trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng H số tiền vay 23.000.000 đồng (*hai mươi ba triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, bị đơn ông Thạch H và bà Nguyễn Thị Kim U gửi đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và xét xử lại theo hướng bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Lâm Thị Mộng H buộc ông H, bà U trả số tiền 23.000.000 đồng, vì ông bà hoàn toàn không có thiếu tiền của bà H.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H là ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu ông H và bà U liên đới trả bà H số tiền 23.000.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn vì các bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà H số tiền 23.000.000 đồng, lời thừa nhận nợ của ông H, bà U trong 02 đoạn ghi âm và tại phiên tòa ông H đều thừa nhận có nợ bà H số tiền 23.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm, buộc ông H, bà U liên đới trả bà H số tiền 23.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông H đưa ra lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ và đề nghị Hội đồng xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch H thừa nhận có vay tiền của bà H nhiều lần từ năm 2012, trong đó có số tiền vay của bà H 23.000.000 đồng đã trả xong, nhưng không có giấy tờ và không có người chứng kiến.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị đơn ông H, bà U theo quy định pháp luật.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng H vắng mặt, nhưng có người đại diện là ông Kim Điền P tham gia phiên tòa. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim U vắng mặt tại phiên, nhưng có người đại diện là ông Thạch H tham gia phiên tòa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn ông H, bà U, thấy: Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, vì ông H, bà U hoàn toàn không có thiếu tiền của bà H, thấy:

Ông Kim Điền P là người đại diện của nguyên đơn cho rằng năm 2016 ông H, bà U nợ bà H số tiền 23.000.000 đồng và cung cấp được 02 đoạn ghi âm mà ông H, bà U thừa nhận là giọng nói của ông H, bà U có nội dung thừa nhận số tiền nợ và hứa hẹn thời gian trả. Bị đơn ông H, bà U thừa nhận giọng nói trong 02 đoạn ghi âm.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/9/2019, Tòa án tiến hành mở đoạn ghi âm dài 47 giây, được ghi vào ngày 01/8/2019 lưu giữ trong USB, cũng như tại Biên bản lấy khai của đương sự và ghi âm giọng nói để giám định thì ông H thừa nhận giọng nói của ông, nhưng do ông nói chơi với bà H và không yêu cầu giám định giọng nói.

Tại Tờ tường trình ngày 06/9/2019 của bị đơn ông H khẳng định không hề có nhờ vả, mượn hay vay tiền gì của bà H, cũng như tại biên bản lấy lời khai của bà U ngày 12/9/2019 thì bà U không thống nhất toàn bộ nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà H, lý do vợ chồng bà không có nợ tiền của bà H như bà H trình bày vì vậy không đồng ý trả nợ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông H thừa nhận năm 2016 ông có vay của bà H nhiều lần, lần 10 triệu đồng, lần 7 triệu đồng và lần 8 triệu đồng, số tiền khoảng 25.000.000 đồng hoặc 26.000.000 đồng đã trả cho bà H xong và tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận có vay 23.000.000 đồng của bà H, nhưng đã trả xong, việc trả tiền không làm giấy tờ và không người chứng kiến. Bà H không thừa nhận ông H đã trả đủ tiền.

Đây là tình tiết, sự kiện do một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, việc ông H, bà U nợ tiền bà H là sự thật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nay bà H chỉ yêu cầu ông H, bà U liên đới trả số tiền còn nợ 23.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Nên cấp sơ thẩm buộc các bị đơn liên đới trả nguyên đơn số tiền 23.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Bị đơn ông H, bà U là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh không nợ tiền của nguyên đơn H.

[2.3] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông H là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị đơn kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn ông Thạch H, bà Nguyễn Thị Kim U. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 95; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng H.

Buộc ông Thạch H, bà Nguyễn Thị Kim U liên đới trả bà Lâm Thị Mộng H số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lâm Thị Mộng H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Thạch H, bà Nguyễn Thị Kim U còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch H và bà Nguyễn Thị Kim U liên đới chịu số tiền là 1.150.000 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*); Bà Lâm Thị Mộng H không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 575.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008291 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thạch H và bà Nguyễn Thị Kim U mỗi người phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003150 và số 0003151 cùng ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông H và bà U đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: HSPA – VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Lê Vũ Huy Hoàng